

Số: 24/2025/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa:

+ *Nguyên đơn*: bà Bùi Thị L, sinh năm 1988. Địa chỉ: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ.

+ *Bị đơn*: ông Ngần Văn M, sinh năm 1987. Địa chỉ: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị L và ông Ngần Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị L và ông Ngần Văn M thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: bà Bùi Thị L và ông Ngần Văn M có 02 con chung là Ngần Vinh Q, sinh ngày 18/11/2009 và Ngần Anh Q1, sinh ngày 11/6/2015. Khi ly hôn, ông Ngần Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Bà Bùi Thị L nhận nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Ngần Văn M ở mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng một tháng cho hai con chung (mỗi con 1.000.000 đồng một tháng), kể từ tháng 01

năm 2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động hoặc cho đến khi có quyết định khác của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bà Bùi Thị L có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

2.5. *Về án phí*: Bà Bùi Thị L nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004329, ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh P; bà Bùi Thị L đã nộp xong các khoản án phí.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Viện KSND khu vực 16 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 16 - Phú Thọ;
- UBND xã Y – Phú Thọ;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 17/3/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn